TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-7-2022.
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ninh;

2. Bà Trần Ánh Nhạn.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1977.

Địa chỉ cư trú: Số 64, tổ 22, ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm: 1977.

Địa chỉ cư trú: Số 64, tổ 22, ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H chung sống với nhau vào năm 1998, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G,

tỉnh Tây Ninh vào ngày 13/02/2004. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống tại ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Chị và anh H sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H tính tình khó khăn, thường xuyên kiếm chuyện với chị, ngoài ra anh H còn quen biết với người phụ nữ khác. Chị có khuyên can nhưng anh H vẫn không thay đổi còn kiếm chuyện chửi bới, đánh đập chị. Đến ngày 30/4/2021 chị bỏ nhà ra ngoài thuê phòng trọ sống và ly thân với anh H cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai anh chị vẫn không hòa giải hàn gắn gia đình được. Nên nay chị không thể chung sống với anh H được nữa và yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có hai con chung tên Trần Văn N, sinh ngày 14/4/2001 và Trần Thị Thùy M, sinh ngày 03/9/2006. Đối với cháu N đã thành niên tự lao động sinh sống được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu M, hiện tại cháu đang sống chung với anh H, cháu muốn sống với ai thì người đó nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Đối với bị đơn – Anh Trần Văn H:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh H không đến để trình bày theo yêu cầu của Tòa án cũng như không tham dự phiên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử mặc dù qua xác minh, chính quyền địa phương cung cấp anh H vẫn còn hộ khẩu ở địa phương, vẫn thường xuyên đi về nhà và biết sự việc này nhưng anh cố tình vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Trần Văn H đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh H là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, cho chị D được ly hôn với anh Trần Văn H. Về con chung: Áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 giao cháu Trần Thị Thùy M, sinh ngày 03/9/2006 cho anh H tiếp tục trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị D không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trần Văn N, sinh ngày 14/4/2001, đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị D trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Trần Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh H trên cơ sở tự nguyện và đi đến hôn nhân từ năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh vào ngày 13/02/2004 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện chị D trình bày mâu thuẫn phát sinh là do trong quá trình chung sống thường xuyên gây gỗ nhau do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh H khó khăn, thường xuyên kiếm chuyện với chị, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặt khác, anh H không chấp hành theo giấy triệu tập của tòa án, cố tình vắng mặt không đến, điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị D. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, chị D được ly hôn với anh H là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn H có 02 người con chung tên Trần Văn N, sinh ngày 14/4/2001 và Trần Thị Thùy M, sinh ngày 03/9/2006. Hiện tại con chung đang sống chung với anh H. Khi ly hôn, đối với cháu Trần Văn N, sinh ngày 14/4/2001 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng, đối với cháu Trần Thị Thùy M, sinh ngày 03/9/2006, cháu có nguyện vọng được sống với anh H, chị D đồng ý giao con cho anh H nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại cháu M đang sống chung với anh H, từ ngày ly thân cho đến nay anh H đã nuôi con tốt, bảo đảm nhu cầu vật chất, tinh thần cho con chung. Mặt khác, cháu M đã trên 7 tuổi, qua làm việc cháu có nguyện vọng muốn được sống chung với anh H. Do vậy, cần giao cháu M cho anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị Nguyễn Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị D trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D với anh Trần Văn H.

Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Thùy M, sinh ngày 03/9/2006 cho anh Trần Văn H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Trần Văn N, sinh ngày 14/4/2001 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên chị thống nhất không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

Chị Nguyễn Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị D trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0023979 ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Chị Nguyễn Thị D đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm

Anh Trần Văn H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị D, anh H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THA Gò Dầu;
- UBND xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân